

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05 - 27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tập đoàn cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên	
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2011)
Bà Phạm Thị Nguyệt	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2011)
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	
Ông Phạm Trọng Bình	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2011)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng giám đốc
Bà Mai Thị Thanh Yên	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban
Bà Trần Thị Mỹ Linh	Thành viên
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 của Tập đoàn

Thay mặt Hội đồng quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TS. Vũ Dương Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2011

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 22 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên

Các khoản phải thu khác về hoạt động hợp tác đầu tư của Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO - Công ty con Tập đoàn tại thời điểm 30/06/2011 là 37,3 tỷ đồng chưa cung cấp bằng chứng để xác định tính đầy đủ và chính xác về hiệu quả của hoạt động hợp tác đầu tư trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính chính xác đối với khoản mục Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn xác định trên cơ sở lỗ lũy kế từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Theo Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn thì hiệu quả của hoạt động hợp tác đầu tư đã phản ánh đầy đủ và chính xác vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco.

Trên cơ sở công tác soát xét, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		115.653.380.057	129.379.616.838
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		169.165.882	3.674.740.136
111	1. Tiền	3	169.165.882	3.674.740.136
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	49.846.310.853	50.231.326.053
121	1. Đầu tư ngắn hạn		50.548.641.895	50.648.641.895
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(702.331.042)	(417.315.842)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.611.045.297	68.088.849.270
131	1. Phải thu của khách hàng		2.953.493.166	3.732.582.972
132	2. Trả trước cho người bán		7.098.496.951	4.783.705.511
135	3. Các khoản phải thu khác	5	54.799.218.614	60.812.724.221
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.240.163.434)	(1.240.163.434)
140	IV. Hàng tồn kho		-	5.232.304.660
141	1. Hàng tồn kho		-	5.232.304.660
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.026.858.025	2.152.396.719
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.494.976	1.494.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		700.946.123	870.542.339
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.942.478
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.324.416.926	1.274.416.926
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		460.114.668.850	451.006.830.421
220	I. Tài sản cố định		64.981.679.796	57.994.829.516
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	660.915.686	570.450.745
222	- Nguyên giá		829.598.636	690.904.545
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(168.682.950)	(120.453.800)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	64.320.764.110	57.424.378.771
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	394.061.277.566	392.296.466.360
251	1. Đầu tư vào công ty con		332.442.736.187	321.918.236.187
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		67.605.005.000	67.605.005.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		25.624.251.523	25.624.251.523
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(31.610.715.144)	(22.851.026.350)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.071.711.488	715.534.545
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.071.711.488	715.534.545
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		575.768.048.907	580.386.447.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		92.681.111.314	99.894.711.612
310	I. Nợ ngắn hạn		90.171.209.850	95.494.205.317
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	7.955.933.890	10.483.355.890
312	2. Phải trả người bán		1.404.533.514	1.587.100.614
313	3. Người mua trả tiền trước		1.459.574.621	1.459.574.621
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	709.724.467	1.063.648.856
315	5. Phải trả người lao động		125.198.340	148.236.838
316	6. Chi phí phải trả	13	1.906.800.000	1.448.559.495
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	77.575.844.986	80.270.128.971
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(966.399.968)	(966.399.968)
330	II. Nợ dài hạn		2.509.901.464	4.400.506.295
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		396.901.505	396.901.505
338	2. Doanh thu chưa thực hiện		2.112.999.959	4.003.604.790
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		483.086.937.593	480.491.735.647
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	483.086.937.593	480.491.735.647
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		204.992.940.000	186.516.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		229.306.388.671	247.782.548.671
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(134.564.614)
417	6. Quỹ đầu tư phát triển		44.271.598.932	44.271.598.932
418	7. Quỹ dự phòng tài chính		4.528.042.732	4.528.042.732
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.558.757.258	2.098.119.926
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		575.768.048.907	580.386.447.259

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
- Dollar Mỹ (USD)		1.130,55	1.128,83

Trương Bá Minh

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	4.607.438.382	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.607.438.382	-
11	4. Giá vốn hàng bán	17	5.249.375.115	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(641.936.733)	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	11.826.851.289	7.426.829.225
22	7. Chi phí tài chính	19	9.685.841.739	(42.948.247.046)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		426.940.505	590.146.467
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.531.608.194	3.147.290.010
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.032.535.377)	47.227.786.261
31	11. Thu nhập khác		6.446.845.267	7.420.763.961
32	12. Chi phí khác		953.672.558	784.897.601
40	13. Lợi nhuận khác		5.493.172.709	6.635.866.360
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.460.637.332	53.863.652.621
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.460.637.332	53.863.652.621
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	121	2.912

Trương Bá Minh
Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.460.637.332	53.863.652.621
02	Khấu hao tài sản cố định		48.229.150	20.000.000
03	Các khoản dự phòng		9.044.703.994	(45.002.791.426)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.826.851.289)	(4.849.598.012)
06	Chi phí lãi vay		426.940.505	590.146.467
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		153.659.692	4.621.409.650
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		4.707.310.178	(22.092.561.870)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		5.232.304.660	9.292.601
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.113.118.803)	(10.497.633.347)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(356.176.943)	16.066.555.939
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(524.480.520)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(326.300.755)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh		4.623.978.784	(11.986.812.959)
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.035.079.430)	(11.347.275.114)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000	-
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.524.500.000)	(3.000.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	35.983.010.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.722.883.778	7.042.424.170
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.736.695.652)	28.678.159.056
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	2.006.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.395.123.500)	(7.519.959.892)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.395.123.500)	(5.513.959.892)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.507.840.368)	11.177.386.205
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.674.740.136	3.060.130.939
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.266.114	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	169.165.882	14.237.517.144

Trương Bá Minh

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Tập đoàn là: 500.002.510.000 VND. Tương đương 50.000.251 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hapaco Hà Nội	Số 462 Minh Khai - Hà Nội
- Nhà máy giấy Hải Phòng	Xã Đại Bản, huyện An Dương, Hải Phòng

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, tại thời điểm 30/06/2011 2 Chi nhánh đã ngừng hoạt động và đang thực hiện các thủ tục giải thể.

Các công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần HAP - REE	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	Hà Nội
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: in giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn là 500.002.510.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2011 thì Vốn đầu tư của Chủ sở hữu mới thực góp là 204.992.940.000 đồng.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tập đoàn sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tập đoàn.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

3 . TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	59.972.461	36.117.329
Tiền gửi ngân hàng	109.193.421	3.638.622.807
	169.165.882	3.674.740.136

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	967.363.842	967.363.842
Đầu tư ngắn hạn khác	49.581.278.053	49.681.278.053
- Cho Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán HP vay	16.327.500.000	16.327.500.000
- Cho cá nhân vay vốn	26.000.000.000	26.000.000.000
- Cho Công ty CP TMDV Hải Phòng vay	7.253.778.053	7.353.778.053
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(702.331.042)	(417.315.842)
	49.846.310.853	50.231.326.053

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	20.642.200	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	3.096.330	-
Phải thu thuế TNCN	-	358.996.925
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	4.742.955.524	4.638.988.013
Phải thu khác	50.032.524.560	55.814.739.283
- Công ty điện máy Hải Phòng	3.175.185.099	4.575.185.099
- Công ty Cổ phần TM và DV Hải Phòng	2.539.665.627	2.153.489.564
- Công ty Cổ phần Dệt may Hải Phòng	12.682.504.970	12.682.504.970
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	3.009.800.000	-
- Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	307.630.339	-
- Phụ cấp phải thu Hội đồng quản trị	3.911.051.300	3.911.051.300
- Cổ tức phải thu công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	-	1.715.706.000
- Cổ tức phải thu công ty Cổ phần Hải Hà	1.200.000.000	1.200.000.000
- Phải thu Công ty XNK XD Bạch Đằng	-	6.321.146.064
- Phải thu công nợ cá nhân	19.346.329.432	19.346.329.432
- Các khoản phải thu khác	3.860.357.793	3.909.326.854
	54.799.218.614	60.812.724.221

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	346.309.323	296.309.323
Tài sản thiếu chờ xử lý	649.631.319	649.631.319
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	328.476.284	328.476.284
	1.324.416.926	1.274.416.926

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	490.904.545	200.000.000	-	690.904.545
Số tăng trong kỳ	-	-	138.694.091	138.694.091
- <i>Mua sắm mới</i>			138.694.091	138.694.091
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	490.904.545	200.000.000	138.694.091	829.598.636
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	80.453.800	40.000.000	-	120.453.800
Số tăng trong kỳ	16.363.483	19.999.999	11.865.668	48.229.150
- <i>Trích khấu hao</i>	16.363.483	19.999.999	11.865.668	48.229.150
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	96.817.283	59.999.999	11.865.668	168.682.950
Giá trị còn lại				
Đầu kỳ	410.450.745	160.000.000	-	570.450.745
Cuối kỳ	394.087.262	140.000.001	126.828.423	660.915.686

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	64.320.764.110	57.424.378.771
- <i>Dự án nhà máy lọc dầu tại Đình Vũ</i>	15.267.268.061	15.267.268.061
- <i>Dự án nhà máy giấy Hải Hà</i>	3.116.844.595	3.116.844.595
- <i>Dự án khu công nghiệp Trảng Cát</i>	5.050.782.919	5.065.782.919
- <i>Dự án bệnh viện phụ sản</i>	40.774.148.535	33.862.763.196
- <i>Dự án điện Phiêng Côn</i>	100.000.000	100.000.000
- <i>Các dự án khác (Công ty CP HAP-REE)</i>	11.720.000	11.720.000
	64.320.764.110	57.424.378.771

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	332.442.736.187	321.918.236.187
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	17.299.000.000	6.774.500.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	10.541.656.000	10.541.656.000
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	24.462.914.000	24.462.914.000
- Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	5.523.855.039	5.523.855.039
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	10.984.455.931	10.984.455.931
- Công ty Cổ phần H.P.P	155.630.855.217	155.630.855.217
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	67.605.005.000	67.605.005.000
- Công ty Cổ phần HAP-REE	1.470.000.000	1.470.000.000
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng	57.885.005.000	57.885.005.000
- Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	8.250.000.000	8.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác	25.624.251.523	25.624.251.523
- Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
- Công ty Đồng được Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(31.610.715.144)	(22.851.026.350)
	394.061.277.566	392.296.466.360

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Khoản đầu tư	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Lỗi lũy kế	Số trích lập
Đầu tư vào công ty con				(22.472.045.535)
<i>Công ty Cổ phần Hapaco HPP</i>	155.630.855.217	100%	(7.103.258.928)	(7.103.258.928)
<i>Công ty TM và DV Hải Phòng</i>	24.462.914.000	99,84%	(2.869.587.100)	(2.864.995.761)
<i>Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco</i>	100.000.000.000	100%	(12.503.790.846)	(12.503.790.846)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				(7.941.173.169)
<i>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán HAPACO</i>	8.250.000.000	33%	(24.064.161.119)	(7.941.173.169)
Đầu tư dài hạn khác				(1.197.496.440)
Tổng				(31.610.715.144)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Hải Phòng	57,51%	0,00%	Sản xuất giấy, kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Yên Bái	86,65%	0,00%	Sản xuất giấy
Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Đầu tư chứng khoán
Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ
Công ty Cổ phần Hải Hà	Hà Giang	61,54%	61,54%	Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng, sản xuất bột giấy
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất bột giấy
Công ty Cổ phần HPP	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần HAP-REE	Hải Phòng	49,00%	49,00%	Xây dựng; KD máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	30,00%	30,00%	Khai thác cát, đá, sỏi; KD xăng dầu, KS
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	33,00%	33,00%	Quản lý, đầu tư chứng khoán

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Số dư đầu kỳ	715.534.545
Số tăng trong kỳ	811.210.319
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(455.033.376)
Số dư cuối kỳ	1.071.711.488
Trong đó số dư cuối kỳ bao gồm:	01/01/2011
	VND
Chi phí thuê Văn phòng	1.037.779.058
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	33.932.430
	1.071.711.488

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.955.933.890	7.955.933.890
- Vay cá nhân	7.955.933.890	7.955.933.890
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	-	2.527.422.000
	7.955.933.890	10.483.355.890

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	423.404.470	423.404.470
Thuế Thu nhập cá nhân	67.116.674	421.041.063
Các loại thuế khác	219.203.323	219.203.323
	709.724.467	1.063.648.856

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.906.800.000	1.109.559.495
Trích trước chi phí khác	-	339.000.000
	1.906.800.000	1.448.559.495

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	8.889.322	29.311.441
Bảo hiểm xã hội	24.734.724	-
Bảo hiểm y tế	5.022.999	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.382.316	-
Phải trả, phải nộp khác	77.535.815.625	80.240.817.530
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	13.632.539.478	13.632.539.478
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	7.007.498.529	13.592.615.888
- Công ty TNHH Đầu tư Tài Chính Hapaco	15.331.384.701	13.328.539.943
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	14.947.393.682	13.217.960.362
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	314.296.400	314.296.400
- Công ty Cổ phần H.P.P	14.035.913.123	13.475.114.765
- Tổng Công ty XNK Bạch Đằng	-	469.808.382
- Phải trả Công ty CP H.P.P do bàn giao nhà máy giấy	11.556.904.488	11.556.904.488
- Phải trả khác của chi nhánh Hapaco tại Hà Nội	644.562.224	644.562.224
- Phải trả phải nộp khác	65.323.000	8.475.600
	77.575.844.986	80.270.128.971

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu kỳ	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.570.790.000)	(134.564.614)	44.271.598.932	4.528.042.732	2.098.119.926
Tăng vốn trong kỳ	18.476.160.000	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.460.637.332
Tăng khác	-	-	-	134.564.614	-	-	-
Giảm khác	-	(18.476.160.000)	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	204.992.940.000	229.306.388.671	(4.570.790.000)	-	44.271.598.932	4.528.042.732	4.558.757.258

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	204.992.940.000	186.516.780.000
- Vốn góp đầu kỳ	186.516.780.000	186.516.780.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	18.476.160.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	204.992.940.000	186.516.780.000

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.499.294	18.651.678
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.499.294	18.651.678
- Cổ phiếu phổ thông	20.499.294	18.651.678
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.343.824	18.496.208
- Cổ phiếu phổ thông	20.343.824	18.496.208
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ Tập đoàn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	44.271.598.932	44.271.598.932
Quỹ dự phòng tài chính	4.528.042.732	4.528.042.732
	48.799.641.664	48.799.641.664

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.607.438.382	-
	4.607.438.382	-

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.249.375.115	-
	5.249.375.115	-

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.283.948.324	20.614.570
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.542.902.965	6.986.809.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	384.405.055
	11.826.851.289	7.426.829.225

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	426.940.505	590.146.467
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.192.826.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	214.197.240	122.832.015
Dự phòng các khoản đầu tư	9.044.703.994	(45.861.675.650)
Chi phí tài chính khác	-	7.623.964
	9.685.841.739	(42.948.247.046)

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.460.637.332
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.542.902.965)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(8.542.902.965)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(6.082.265.633)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	423.404.470
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	423.404.470

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tập đoàn được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.460.637.332	53.863.652.621
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.460.637.332	53.863.652.621
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.343.824	18.496.208
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	2.912

22 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 69/2011/NQ-HAP ngày 28/05/2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, Công ty thông qua phương án sáp nhập 2 Công ty con là Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu (Công ty sở hữu 57,51% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn (Công ty sở hữu 86,65% vốn điều lệ). Sau khi tái cấu trúc, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO sẽ sở hữu 100% vốn điều lệ tại 2 công ty này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông được Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ) và cho Công ty này vay 9,73 tỷ đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông được Tiên Sa trong năm 2011.

Tập đoàn chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn được miễn giảm từ năm 1999 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn chưa thực hiện bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn là 500.002.510.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2011 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu thực góp là 204.992.940.000 đồng.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu		
<i>Phí thương hiệu</i>		
- Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu	Công ty con	863.718.125
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	1.124.945.637
- Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn	Công ty con	513.388.966
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Công ty con	1.606.449.317

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Tiền thuê đất

- Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu	Công ty con	539.804.790
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Công ty con	1.404.525.000
- Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu	Công ty con	3.009.800.000
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Công ty con	7.689.119.152

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2011

<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2011</u>
	VND

Phải thu

- Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn	Công ty con	95.552.250
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	9.793.443.680
- Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu	Công ty con	3.009.800.000
- Công ty Cổ phần HAPACO Hải Hà	Công ty con	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	1.905.644.323
- Ông Vũ Dương Hiền ⁽¹⁾	Chủ tịch HĐQT	29.659.166.666
- Ông Nguyễn Đức Hậu ⁽²⁾	Thành viên HĐQT	9.675.000.000

⁽¹⁾ Theo Quyết định 62/UBCK-GPĐC ngày 01/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, Vốn điều lệ của Công ty là 25 tỷ đồng. Vì vậy, Tập đoàn chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu tăng thêm là 1.400.000 cổ phiếu cho ông Vũ Dương Hiền, Chủ tịch Tập đoàn mua. Vì vậy, tỷ lệ đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng giảm xuống 33% nên không đủ điều kiện là Công ty con của Tập đoàn từ năm 2010. Ông Vũ Dương Hiền có khoản vay vốn theo Hợp đồng vay số 28.12/HAP-HĐVV ngày 28/12/2009 số tiền là 14 tỷ đồng và Hợp đồng vay số 01.07/HAP-HĐVV ngày 01/07/2010 với số tiền là 12 tỷ đồng. Khoản lãi vay phải thu tính tới thời điểm 30/06/2011 của hai hợp đồng vay vốn nêu trên là 3.695.166.666 đồng.

⁽²⁾ Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO số 10052010 ngày 10/05/2010 cho Ông Nguyễn Đức Hậu, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc thì Tập đoàn thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO kể từ ngày 30/04/2010, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần tương đương 21 tỷ đồng, đã trả 12 tỷ đồng và công nợ phải trả sẽ trả dần đến 31/12/2011.

<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2011</u>
	VND

Phải trả

- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO	Công ty con	15.331.384.701
- Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	Công ty con	314.296.400
- Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu	Công ty con	14.947.393.682
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	25.592.817.611
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Công ty con	7.007.498.529
- Ông Vũ Dương Hiền ⁽³⁾	Chủ tịch HĐQT	7.955.933.890

(3) Đây là khoản Tập đoàn vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Trương Bá Minh

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2011